

Đ: 34
H: 01

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2023-2024)

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1
Môn Viết

G.Viên chấm thi 2
Môn Viết

G.Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

G.Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

Môn học: Anh văn 2 (22400414)

- Thi Viết:

Ngày thi: 26/01/2024

Giờ thi: 9g45

Phòng thi: D5-26

Số SV có mặt: 35

Số bài thi: 35

Số tờ giấy thi: 35

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 26/01

Giờ thi: 12h30

Phòng thi: D4-25

Số SV có mặt: 35

Số bài thi: 35

Số tờ giấy thi: 35

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
1	2122170554	Nguyễn Bảo	Bảo	23/03/2004	CCQ2217N	13	Bao	6.2	Bao	6.13	6.3	8.8	7.3	
2	2122170316	Trần Thiên	Bảo	16/01/2004	CCQ2217H	14	Trần	5.5	Trần	7.0	6.3	6.9	6.5	
3	2122270067	Nguyễn Thị	Diễm	01/07/2004	CCQ2227C	15	Diễm	4.4	Diễm	6.4	5.4	5.9	5.6	
4	2122120301	Lê Thị Thu	Giang	28/05/2004	CCQ2212I	16	Le	6.1	Trần	5.4	5.6	6.7	6.2	
5	2122270091	Phan Ngọc Quỳnh	Giang	12/08/2004	CCQ2227C	13	giang	5.8	giang	7.3	6.6	7.3	6.9	
6	2122170484	Nguyễn Văn	Giới	08/08/2004	CCQ2217M									
7	2122120214	Nguyễn Thị	Hà	31/08/2004	CCQ2212G	14	Hà	6.2	Hà	7.2	6.7	6.5	6.6	
8	2122270075	Nguyễn Thị	Hoa	24/05/2004	CCQ2227C	15	Hoa	7.2	Hoa	4.9	6.1	6.7	6.3	
9	2122120141	Lê Thị Kim	Hồng	04/06/2004	CCQ2212E	14	hồng	3.6	Hồng	5.8	4.7	6.4	5.1	
10	2122120375	Hà Trần Quốc	Huy	02/09/2004	CCQ2212K							0.0		
11	2122170228	Ngô Nguyễn Gia	Huy	09/12/2004	CCQ2217F							0.0		
12	2122170665	Trần Đình	Huy	06/12/2004	CCQ2217Q	13	Huy	5.2	Huy	5.8	5.5	5.6	5.5	
13	2122170304	Hoàng Gia	Khang	02/03/2004	CCQ2217H									
14	2122170505	Huỳnh Anh	Khoa	13/02/2004	CCQ2217M	14	khoa	6.5	khoa	7.4	7.0	8.8	7.7	
15	2122170487	Phạm Gia	Kiệt	01/01/2004	CCQ2217M	15	Kiệt	5.0	Kiệt	4.0	4.5	7.4	5.7	
16	2122170474	Phan Bảo	Liêm	02/11/2004	CCQ2217L									
17	2122120233	Nguyễn Thị	Mận	21/09/2004	CCQ2212G									
18	2122120445	Nguyễn Thị Mỹ	Ngọc	19/10/2004	CCQ2212M	16	ngoc	3.7	ngoc	4.5	4.1	6.0	4.9	
19	2122270081	Trương Thị Thu	Ngọc	07/04/2004	CCQ2227C	13	ngoc	5.0	ngoc	6.4	5.7	6.0	5.8	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2023-2024)

Môn học: Anh văn 2 (22400414)

- Thi Viết:

Ngày thi: 26/01/2024

Giờ thi: 9g45

Phòng thi: D5-26

Số SV có mặt: 35

Số bài thi: 35

Số tờ giấy thi: 35

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 26/01

Giờ thi: 12h30

Phòng thi: D4-25

Số SV có mặt: 35

Số bài thi: 35

Số tờ giấy thi: 35

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1
Môn Viết

G.Viên chấm thi 2
Môn Viết

G.Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

G.Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
20	2122170826	Nguyễn Phước Trung	Nhân	09/09/2004	CCQ2217M	44		5.6		6.3	6.0	9.2	7.3	
21	2122120162	Nguyễn Quỳnh	Như	16/03/2004	CCQ2212E	15		5.7		5.8	5.8	5.4	5.6	
22	2122170679	Trần Thanh	Phúc	03/06/2004	CCQ2217Q									
23	2122060019	Thái Ngọc Vũ	Phước	24/08/2004	CCQ2206A						0.0			
24	2122170517	Đoàn Nhật	Quý	10/06/2003	CCQ2217M									
25	2122120501	Võ Thị Thu	Quyên	13/02/2004	CCQ2212I									
26	2122170289	Phạm Ngọc	Sum	22/04/2004	CCQ2217H	13		5.8		5.7	5.8	6.5	6.1	
27	2122120473	Lê Thị Hồng	Thắm	04/10/2004	CCQ2212N	16		7.4		6.6	7.0	8.3	7.5	
28	2122270128	Lê Thị Thu	Thảo	22/02/2004	CCQ2227D	15		6.5		4.7	5.6	6.2	5.8	
29	2122130033	Thạch Thị Ngọc	Thảo	02/04/2004	CCQ2210G	14		5.4		4.8	5.1	6.9	5.8	
30	2122170685	Huỳnh Phúc	Thọ	20/06/2004	CCQ2217Q	14		4.8		6.4	5.6	7.9	6.5	
31	2122120443	Lý Thị Anh	Thom	01/01/2004	CCQ2212M	13		7.5		8.0	7.8	8.3	8.0	
32	2122270076	Nguyễn Thị Mỹ	Thuận	19/02/2004	CCQ2227C	16		5.1		4.7	4.9	5.7	5.2	
33	2122270127	Ví Thị Phương	Thùy	14/05/2003	CCQ2227D	15		5.1		4.6	4.9	6.1	5.4	
34	2122170203	Nguyễn Văn	Tiến	03/04/2004	CCQ2217F									
35	2122170293	Trần Trung	Tin	28/06/2004	CCQ2217H	13		2.7		4.7	3.7	7.0	5.0	
36	2122270012	Huỳnh Thị Ngọc	Trâm	21/02/2004	CCQ2227A	13		4.1		6.6	5.4	5.2	5.3	
37	2122120217	Trần Thị Huyền	Trâm	24/07/2003	CCQ2212G	16		5.7		6.7	6.2	6.6	6.4	
38	2122270077	Võ Trần Thị	Trang	09/01/2004	CCQ2227C	15		7.4		7.7	7.6	8.2	7.8	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2023-2024)

Môn học: Anh văn 2 (22400414)

- Thi Viết:

Ngày thi: 26/01/2024

Giờ thi: 9g45

Phòng thi: D5-26

Số SV có mặt: 35

Số bài thi: 35

Số tờ giấy thi: 35

- Thi Văn đáp:

Ngày thi:

Giờ thi:

Phòng thi:

Số SV có mặt: 35

Số bài thi: 35

Số tờ giấy thi: 35

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1
Môn Viết

G.Viên chấm thi 2
Môn Viết

G.Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

G.Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
						Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
39	2122170687	Phạm Thành Trí	03/06/2004	CCQ2217R	14		6.0		5.4	5.7	7.8	6.5	
40	2122170671	Trần Đặng Kiến	05/10/2004	CCQ2217Q									
41	2122170657	Trịnh Trung	27/02/2004	CCQ2217Q	15		6.5		3.5	5.0	7.5	6.0	
42	2122170676	Bùi Đình Anh	09/07/2004	CCQ2217Q	14		5.3		5.1	5.2	6.2	5.6	
43	2122170486	Nguyễn Văn	05/10/2004	CCQ2217M	13		5.7		3.5	4.6	7.6	5.8	
44	2122170494	Huỳnh Ngọc	20/12/2004	CCQ2217M	15		5.0		7.2	6.1	6.8	6.4	
45	2122270088	Hồ Thị Ánh	14/02/2004	CCQ2227C	16		8.3		5.9	7.1	8.6	7.7	
46	2122170502	Huỳnh Văn	04/09/2004	CCQ2217M	13		7.1		5.1	6.1	7.3	6.6	
47	2122170488	Phạm Đình	12/10/2004	CCQ2217M	16		7.4		4.9	6.2	7.9	6.9	

Đầu : 35
Rốt : 4

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ I (2023-2024)

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1
Môn Viết

G.Viên chấm thi 2
Môn Viết

G.Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

G.Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

Môn học: Anh văn 2 (22400420)

- Thi Viết:

Ngày thi: 26/01/2024 Số SV có mặt: 39

Giờ thi: 9g45 Số bài thi: 39

Phòng thi: D5-27 Số tờ giấy thi: 39

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 26/01 Số SV có mặt: 39

Giờ thi: 12h30 Số bài thi: 39

Phòng thi: D5-27 Số tờ giấy thi: 39

39
giam van Quoc

Phan Kim Ngân

Uch
le Thi Kim
Thao

Nguyen Nhan

C.Kim Thao

Phan Thi Chau

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
1	2122060044	Châu Hoài	Anh	25/05/2004	CCQ2206B	13		4.5		6.4	5.5	7.9	6.5	
2	2121150012	Bùi Long	Bạch	16/11/2003	CCQ2115A	16		4.6		7.0	5.8	8.3	6.8	
3	2121230004	Nguyễn Thế	Bảo	27/01/2003	CCQ2123A	15	Bảo	3.8	Bảo	6.0	4.9	7.5	6.0	
4	2121050027	Đoàn Huỳnh Hữu	Chương	29/03/2003	CCQ2105A	14		2.7		1.5	2.1	7.4	4.2	
5	2122170102	Vô Thành	Công	29/11/2004	CCQ2217C	13	Ce	5.1	Ce	1.8	3.5	7.4	5.1	
6	2121230008	Nguyễn Cao	Cường	05/07/2003	CCQ2123A	16		5.3		5.6	5.5	8.1	6.5	
7	2121230015	Trần Đình	Diệu	07/05/2003	CCQ2123A	15	Diệu	4.4	Diệu	7.0	5.7	7.5	6.4	
8	2122170115	Ngô Đăng	Đông	24/08/2004	CCQ2217C	16		4.5		0.0	2.3	8.2	4.7	
9	2122070048	Trần Thị	Dung	22/04/2004	CCQ2207B	13		4.2		6.2	5.2	7.7	6.2	
10	2122170155	Nguyễn Vũ Hồng	Dương	22/10/2004	CCQ2217D	14		3.2		6.0	4.6	7.7	5.8	
11	2122170095	Trần Thanh	Duy	23/11/2004	CCQ2217C	15		5.8		6.5	6.2	7.9	6.9	
12	2122170087	Trần Minh	Hải	29/07/2004	CCQ2217C	16		4.5		3.5	4.0	6.9	5.2	
13	2122260115	Phan Thị Diệu	Hiền	04/08/2003	CCQ2226D	13		7.3		4.2	5.8	7.6	6.5	
14	2122170054	Thắng Huy	Hoàng	09/05/2004	CCQ2217B	14		3.5		8.0	5.8	6.8	6.2	
15	2122170105	Phạm Văn	Khánh	10/07/2004	CCQ2217C	15	Khánh	3.6	Khánh	3.7	3.7	7.8	5.3	
16	2122170104	Trần Văn	Khánh	09/03/2004	CCQ2217C	16		5.2		1.6	3.4	7.4	5.0	
17	2121030018	Phạm Văn	Khoa	16/07/2003	CCQ2103A	13		5.2		5.4	5.3	7.4	6.1	
18	2122060065	Trịnh Bá	Kiệt	12/05/2004	CCQ2206B									
19	2121150019	Trương Đình	Linh	09/07/2003	CCQ2115A	15		5.1		5.4	5.3	6.7	5.9	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2023-2024)

Môn học: Anh văn 2 (22400420)

- Thi Viết:

Ngày thi: 26/01/2024

Giờ thi: 9g45

Phòng thi: D5-27

Số SV có mặt: 29

Số bài thi: 29

Số tờ giấy thi: 29

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 26/01

Giờ thi: 12h30

Phòng thi: D5-27

Số SV có mặt: 29

Số bài thi: 29

Số tờ giấy thi: 29

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1
Môn Viết

G.Viên chấm thi 2
Môn Viết

G.Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

G.Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

Lâm Văn Quan

Đan Kim Ngân

Trần Thị Kim

Thảo

Nguyễn Văn

Phan Thị Thu

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
20	2121030034	Võ Văn	Mãi	08/02/2003	CCQ2103A	14	UVA	6.0	UVA	4.3	5.2	7.4	6.1	
21	2122170085	Huỳnh Nhật	Minh	12/11/2003	CCQ2217C	13	Minh	6.9	Minh	6.0	6.5	7.7	7.0	
22	2122120026	Châu Thị Quỳnh	Nga	13/02/2004	CCQ2212A	14	Châu	6.8	Châu	8.3	7.5	9.2	8.2	
23	2122170114	Trần Quốc	Nghĩa	19/09/2004	CCQ2217C	15	Trần	3.5	Trần	0.0	1.8	7.6	4.1	
24	2121230005	Trần Long	Nguyễn	14/11/2003	CCQ2123A									
25	2122170086	Trần Trí	Nguyễn	03/10/2004	CCQ2217C	AV2-15	Trần	5.9	Trần	0.8	3.4	7.4	5.0	
26	2122140036	Hồ Phạm Minh	Nhật	21/07/2004	CCQ2214B									
27	2121050009	Nguyễn Trung	Phi	18/03/2003	CCQ2105A	15	Phi	4.6	Phi	2.8	3.7	7.8	5.3	
28	2121150022	Nguyễn Thành	Phong	19/11/2003	CCQ2115A	28	Nguyễn	6.2	Nguyễn	5.2	5.7	7.8	6.5	
29	2122210018	Đoàn Hữu	Phước	25/05/2004	CCQ2221E	12	Đoàn	5.8	Đoàn	7.4	6.6	7.7	7.0	
30	2122170103	Nguyễn Thành	Sang	29/12/2003	CCQ2217C	16	Sang	4.6	Sang	1.3	3.0	6.8	4.5	
31	2121170259	Dư Tiến	Sỹ	02/03/2003	CCQ2117H	15	Dư	3.8	Dư	6.0	4.9	6.3	5.5	
32	2122170093	Phan Văn	Thành	25/06/2003	CCQ2217C	14	Phan	3.8	Phan	3.0	3.4	8.1	5.3	
33	2121170010	Lê Anh	Thọ	30/09/2003	CCQ2117A	13	Lê	5.5	Lê	7.5	6.5	6.8	6.6	
34	2122150025	Phan Ngọc	Thông	21/03/2004	CCQ2215B	16	Phan	5.5	Phan	7.8	6.7	7.5	7.0	
35	2122200096	Nguyễn Thị Thanh	Thùy	09/10/2004	CCQ2220C	15	Nguyễn	7.3	Nguyễn	7.5	7.4	9.1	8.1	
36	2122270019	Trần Minh	Trí	19/02/2004	CCQ2227A	16	Trần	4.2	Trần	6.2	5.2	7.4	6.1	
37	2122210029	Nguyễn Mạnh	Trường	20/09/2004	CCQ2221E	13	Nguyễn	5.3	Nguyễn	5.8	5.6	7.9	6.5	
38	2122210039	Trần Thanh	Truyền	14/03/2004	CCQ2221E	14	Trần	3.7	Trần	7.0	5.4	7.8	6.4	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2023-2024)

Môn học: Anh văn 2 (22400420)

- Thi Viết:

Ngày thi: 26/01/2024

Số SV có mặt: 39...

Giờ thi: 9g45

Phòng thi: D5-27

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 26/01

Số SV có mặt: 39...

Giờ thi: 12h30

Số bài thi:

Phòng thi: D5-27

Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1
Môn Viết

G.Viên chấm thi 2
Môn Viết

G.Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

G.Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

Lâm Văn Quốc

Phan Kim Ngọc

Trần Thị Kim

Thảo

Nguyễn Văn

Phan Thị Chi

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
						Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
39	2122060035	Nguyễn Huy Tuấn	01/01/2004	CCQ2206A	15	<i>Quo</i>	5.2	<i>Quo</i>	3.8	4.5	7.3	5.6	
40	2122260114	Tô Thị Ngọc Viên	08/11/2004	CCQ2226D	16	<i>Viên</i>	5.0	<i>Viên</i>	4.4	4.7	7.2	5.7	
41	2121230011	Võ Quốc Việt	03/08/2002	CCQ2123A	13	<i>Việt</i>	4.7	<i>Việt</i>	6.1	5.3	7.7	6.3	
42	2122120345	Nguyễn Quỳnh Yên	18/05/2004	CCQ2212K	14	<i>Yên</i>	4.7	<i>Yên</i>	5.5	5.1	8.8	6.6	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2023-2024)

H: 1
Đ: 30

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1
Môn Viết

G.Viên chấm thi 2
Môn Viết

G.Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

G.Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

C.Thuý

NgTPLiu

Môn học: Anh văn 2 (22400422)

- Thi Viết:

Ngày thi: 26/01/2024

Số SV có mặt: 31

Giờ thi: 9g45

Số bài thi: 31

Phòng thi: D5-28

Số tờ giấy thi: 31

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 26/01

Số SV có mặt: 31

Giờ thi: 12h30

Số bài thi: 31

Phòng thi: D5-28

Số tờ giấy thi: 31

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
1	2122120311	Lê Quý	An	23/09/2004	CCQ2212J	14	An	4,7	An	54	5,1	8.5	6,5	
2	2121170038	Thạch Đức	An	07/12/2003	CCQ2117B	15	Đức	6,2	Đức	75	6,9	4,6	6,0	
3	2121170006	Nguyễn Hải	Bằng	25/12/2003	CCQ2117A	16	Hải	3,8	Hải	30	3,4	7,9	5,2	
4	2121030089	Chế Việt	Cường	10/11/2003	CCQ2103C	13	Việt	6,8	Việt	78	7,3	7,9	7,5	
5	2121030077	Nguyễn Minh Công	Danh	07/03/2003	CCQ2103C	14	Danh	5,9	Danh	66	6,3	7,8	6,9	
6	2121170053	Nguyễn Tấn	Đông	26/04/2003	CCQ2117B									
7	2121030142	Ngô Tiến	Dũng	16/07/2003	CCQ2103C									
8	2122050119	Trương Minh	Hiển	16/11/2004	CCQ2205A	13	Minh	5,3	Minh	78	6,6	6,4	6,5	
9	2121030074	Phạm	Hiệu	26/09/2003	CCQ2103C									
10	2121030103	Ngô Thanh	Hòa	19/02/2003	CCQ2103C	15	Hòa	4,8	Hòa	77	6,3	8,8	7,3	
11	2121030104	Trần Đình	Hoàn	20/04/2003	CCQ2103C	16	Đình	8,9	Đình	65	7,7	8,6	8,1	
12	2122210105	Nguyễn Nhật	Hoàng	15/06/2004	CCQ2221C	13	Nguyễn	9,4	Nguyễn	89	9,2	10,0	9,5	
13	2121170011	Phạm Văn	Hoàng	08/04/2002	CCQ2117A	14	Hoàng	4,1	Hoàng	30	3,6	7,4	5,1	
14	2121170505	Lưu Trọng	Huê	14/10/2003	CCQ2120F	15	Trọng	5,4	Trọng	66	6,0	8,6	7,0	
15	2121030108	Nguyễn Văn Đức	Huy	15/07/2003	CCQ2103D	16	Đức	6,5	Đức	79	7,2	9,3	8,0	
16	2122030048	Cao Nguyễn	Khương	05/04/2004	CCQ2203B	13	Khương	7,3	Khương	76	7,5	9,2	8,2	
17	2122120312	Nguyễn Đặng Xuân	Lan	22/10/2004	CCQ2212J	14	Xuân	5,8	Xuân	79	6,9	9,0	7,7	
18	2121230002	Đinh Hoàng	Luân	10/03/2003	CCQ2123A	15	Luân	3,8	Luân	28	3,3	7,7	5,1	
19	2122170436	Ngô Văn	Nam	10/10/2004	CCQ2217K	16	Nam	6,3	Nam	83	7,3	9,7	8,3	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2023-2024)

Môn học: Anh văn 2 (22400422)

- Thi Viết:

Ngày thi: 26/01/2024 Số SV có mặt: 21

Giờ thi: 9g45 Số bài thi: 3

Phòng thi: D5-28 Số tờ giấy thi: 3

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 26/01 Số SV có mặt: 21

Giờ thi: 12h30 Số bài thi: 1

Phòng thi: D5-28 Số tờ giấy thi: 1

Cán bộ coi thi 1

Nguyễn Văn Châu

Cán bộ coi thi 2

Vũ T. Hiền

G.Viên chấm thi 1
Môn Viết

Nguyễn Văn Châu

G.Viên chấm thi 2
Môn Viết

Đỗ TT Thủy

G.Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

Nguyễn Văn Châu

G.Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

Nguyễn Văn Châu

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
						Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
20	2121200073	Cù Thị Kim Nhung	06/08/2003	CCQ2120C	13	<i>Nhung</i>	5,5	<i>Nhung</i>	55	5,5	9,6	7,1	
21	2122120307	Đỗ Thị Kim Oanh	06/07/2004	CCQ2212I	14	<i>Oanh</i>	4,5	<i>Oanh</i>	73	5,9	8,2	6,8	
22	2121030114	Trương Ngọc Phiếu	20/10/2003	CCQ2103D	15	<i>Phiếu</i>	3,9	<i>Phiếu</i>	46	4,3	7,5	5,6	
23	2121030080	Phạm Anh Phúc	18/09/2003	CCQ2103C	16	<i>Phúc</i>	7,2	<i>Phúc</i>	81	7,7	7,9	7,8	
24	2121170079	Đoàn Minh Quân	11/12/2003	CCQ2117C	13	<i>Quân</i>	4,3	<i>Quân</i>	55	4,9	6,2	5,4	
25	2121030073	Nguyễn Chí Thân	04/04/2003	CCQ2103C	14	<i>Thân</i>	3,8	<i>Thân</i>	54	4,6	8,8	6,3	
26	2121030132	Châu Hoàng Thiện	28/02/2003	CCQ2103D	15	<i>Thiện</i>	4,0	<i>Thiện</i>	82	6,1	8,6	7,1	
27	2121030078	Nguyễn Quốc Toàn	19/06/2003	CCQ2103C	16	<i>Toàn</i>	7,3	<i>Toàn</i>	86	8,0	8,3	8,1	
28	2122120281	Phạm Thùy Trang	10/10/2004	CCQ2212I	13	<i>Trang</i>	7,7	<i>Trang</i>	26	5,2	10,0	7,1	
29	2121030149	Nguyễn Hữu Trí	24/02/2003	CCQ2103C	14	<i>Trí</i>	5,2	<i>Trí</i>	87	7,0	8,3	7,5	
30	2121030084	Huỳnh Ngọc Tuấn	26/10/2003	CCQ2103C	15	<i>Tuấn</i>	6,3	<i>Tuấn</i>	63	6,3	8,2	7,1	
31	2121030099	Mai Thanh Tuấn	06/11/2002	CCQ2103C	16	<i>Tuấn</i>	3,5	<i>Tuấn</i>	54	4,5	9,2	6,4	
32	2121030090	Lê Xuân Tùng	26/02/2003	CCQ2103C	13	<i>Tùng</i>	3,7	<i>Tùng</i>	27	3,2	7,4	4,9	
33	2121170077	Đoàn Quốc Việt	13/08/2003	CCQ2117C	14	<i>Việt</i>	4,9	<i>Việt</i>	74	6,2	6,4	6,3	
34	2121030075	Ngô Triều Vỹ	04/11/2003	CCQ2103C	15	<i>Vỹ</i>	5,4	<i>Vỹ</i>	62	5,8	7,7	6,6	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2023-2024)

Đ1 15
m.09

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G. Viên chấm thi 1
Môn Viết

G. Viên chấm thi 2
Môn Viết

G. Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

G. Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

Môn học: Anh văn 2 (22400403)

- Thi Viết:

Ngày thi: 26/01/2024

Số SV có mặt: 24

Giờ thi: 9g45

Số bài thi: 24

Phòng thi: D5-29

Số tờ giấy thi: 24

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 26/01

Số SV có mặt: 24

Giờ thi: 12h30

Số bài thi:

Phòng thi: D4-21

Số tờ giấy thi:

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Văn đáp (50%)		Viết (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú	
						Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm					
1	2122170014	Nguyễn Văn Đức	Cảnh	02/02/2004	CCQ2217A	13	Cảnh	1,6	Cảnh	2,9	2,3	6.0	3,8	
2	2122120098	Phạm Thị Mỹ	Chung	31/07/2004	CCQ2212C	16	Chung	7,4	Chung	6,4	6,9	6.2	6,6	
3	2122100058	Nguyễn Thị Kim	Đài	15/07/2004	CCQ2210B	15	Đài	5,8	Đài	3,9	4,9	7.6	6,0	
4	2122170019	Phan Ngọc	Điệp	15/01/2004	CCQ2217A	14	Điệp	5,7	Điệp	3,9	4,8	8.1	6,1	
5	2122170715	Ngô Văn Trường	Duy	30/03/2004	CCQ2226B	13	Duy	6,0	Duy	6,2	6,1	7.4	6,6	
6	2122180005	Đoàn Tắt	Giáp	01/08/2004	CCQ2205C	16	Giáp	00	Đoàn Tắt	7,2	3,6	5.8	4,5	
7	2122140064	Nguyễn Huy	Hoàng	23/02/2001	CCQ2205D	15	Hoàng	2,0	Hoàng	7,8	4,9	7.9	6,1	
8	2121170452	Phạm Minh	Hướng	23/01/2003	CCQ2117M	14	Hướng	6,0	Hướng	9,0	7,5	5.8	6,6	
9	2122270109	Nguyễn Ngọc Quang	Huy	20/09/2004	CCQ2227D	15	Huy	1,5	Huy	2,5	2,0	6.5	3,8	
10	2122120039	Nguyễn Thị Ngọc	Huyền	11/02/2004	CCQ2212B	16	Huyền	8,9	Huyền	6,6	7,8	8.8	8,2	
11	2122170303	Nguyễn Tuấn	Kha	06/09/2004	CCQ2217H	13	Kha	9,2	Kha	4,8	7,0	7.8	7,3	
12	2120090010	Nguyễn Minh	Khôi	16/12/2002	CCQ2009A									
13	2122180042	Nguyễn Huỳnh Tuấn	Kiệt	23/03/2004	CCQ2218B	14	Kiệt	6,5	Kiệt	5,0	5,8	6.9	6,2	
14	2122120221	Hoàng Thị Thúy	Kiều	26/08/2004	CCQ2212G	16	Kiều	7,2	Kiều	5,6	6,4	8.5	7,2	
15	2122270058	Châu Thị Hoài	Linh	13/08/2004	CCQ2227B	15	Linh	5,2	Linh	7,6	4,9	7.8	6,1	
16	2122120297	Nguyễn Hà	Linh	13/04/2004	CCQ2212I	14	Linh	2,9	Linh	3,3	3,1	6.3	4,4	
17	2121170423	Nguyễn Thanh	Minh	31/08/2003	CCQ2117M	13	Minh	5,0	Minh	2,0	3,5	5.0	4,1	
18	2122050094	Nguyễn Văn	Minh	02/10/2004	CCQ2205C	16	Minh	00	Minh	4,6	2,3	5.8	3,7	
19	2122270057	Võ Thị Thu	Nga	18/04/2004	CCQ2227B	14	Nga	4,3	Nga	3,1	3,7	7.1	5,1	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2023-2024)

Môn học: Anh văn 2 (22400403)

- Thi Viết:

Ngày thi: 26/01/2024

Giờ thi: 9g45

Phòng thi: D5-29

Số SV có mặt: 24

Số bài thi: 24

Số tờ giấy thi: 24

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 26/01

Giờ thi: 12h30

Phòng thi: D4-21

Số SV có mặt: 24

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi 1

L.M. Mian

Cán bộ coi thi 2

Thị Thị Thu

G. Viên chấm thi 1

Môn Viết

Ch

Đỗ TT Phụng

G. Viên chấm thi 2

Môn Viết

NT, K. Dung

G. Viên chấm thi 1

Môn Văn đáp

Ng. T. T. Hoa

G. Viên chấm thi 2

Môn Văn đáp

Ch

Ch

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Văn đáp (50%)		Viết ip (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
						Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
20	2122120361	Nguyễn Thị Như Ngọc	26/01/2004	CCQ2212K	13	Ng	8,8	Ng	6,8	7,8	7,8	7,8	
21	2122270024	Bùi Thị Thảo Nguyên	15/02/2004	CCQ2227A	16	Bu	3,0	Bu	4,7	3,9	6,2	4,8	
22	2122120086	Phạm Quỳnh Như	13/09/2004	CCQ2212C	15	Phu	6,5	Phu	5,4	6,0	6,1	6,0	
23	2122120286	Dương Thanh Phát	30/07/2004	CCQ2212I	14	Do	2,7	Do	3,8	3,3	6,0	4,4	
24	2122120130	Dương Thái Phong	06/10/2004	CCQ2212D	13	Do	3,2	Do	4,2	3,7	6,7	4,9	
25	2122180127	Lê Quốc Phước	09/08/2004	CCQ2218D	16	Phu	8,4	Phu	4,1	6,3	8,1	7,0	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2023-2024)

Môn học: Anh văn 2 (22400403)

- Thi Viết:

Ngày thi: 26/01/2024

Giờ thi: 9g45

Phòng thi: D5-30

Số SV có mặt: 22

Số bài thi: 25

Số tờ giấy thi: 22

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 26/01

Giờ thi: 12h30

Phòng thi: D4-21

Số SV có mặt: 22

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G. Viên chấm thi 1

Môn Viết

G. Viên chấm thi 2

Môn Viết

G. Viên chấm thi 1

Môn Văn đáp

G. Viên chấm thi 2

Môn Văn đáp

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Văn đáp (50%)		Viết (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
1	2122120588	Nguyễn Huỳnh Thanh	Phương		CCQ2212P	15		3,0		4,8	3,9	6.9	5.1	
2	2122200041	Trần Thị	Sen	30/10/2004	CCQ2220B	14	Sen	6,6	Có thi	4,0	5,3	7.2	6,1	
3	2122170008	Huỳnh Văn	Tài	10/12/2004	CCQ2217A	13		5,7		4,6	5,2	7.2	6,0	
4	2121180040	Lê Trung	Tài	29/04/2003	CCQ2118B									
5	2122180102	Nguyễn Đình	Tài	15/02/2004	CCQ2218D	13		7,8		6,4	7,1	8.6	7,7	
6	2122170020	Nguyễn Thành	Tám	15/11/2004	CCQ2217A	16	Tam	4,3	Tam	5,1	4,7	6.5	5,4	
7	2122170002	Nguyễn Văn	Thành	26/10/2000	CCQ2217A	14		6,8		4,5	5,7	8.5	6,8	
8	2122210103	Nguyễn Thị Phương	Thảo	20/06/2004	CCQ2221F	15		4,8		4,5	4,7	6.1	5,3	
9	2122120371	Đỗ Nguyễn Ngọc	Thiện	08/07/2004	CCQ2212K	14	Thien	7,1	Thien	2,8	5,0	7.0	5,8	
10	2121120106	Nguyễn Mỹ	Thoa	04/12/2003	CCQ2112D									
11	2122120225	Nguyễn Thị Minh	Thư	28/06/2004	CCQ2212G	13		2,8		4,3	3,6	6.0	4,6	
12	2122100057	Trần Thị Anh	Thư	11/02/2004	CCQ2210B	16		8,2		4,8	6,5	6.8	5,6	
13	2122120394	Vô Thị Huỳnh	Thương	27/10/2004	CCQ2212L	15	Thi Huu	7,0	Thi Huu	5,0	6,0	6.2	6,1	
14	2121170369	Lê Dương	Tiến	04/02/2003	CCQ2117K	16	Duong Tan	2,3	Duong Tan	8,2	5,3	6.3	5,7	
15	2122170286	Phạm Văn	Tiến	27/07/2004	CCQ2217H	15	Tien	5,6	Van Tien	6,9	6,3	7.3	6,1	
16	2122180124	Nguyễn Thái	Toàn	09/02/2004	CCQ2218D	16		9,0		3,9	6,5	7.2	6,8	
17	2122100044	Huỳnh Thị Huyền	Trang	07/11/2004	CCQ2210B	15	Trang	8,1	Trang	7,0	7,5	8.5	7,9	
18	2122120581	Lê Thị Thùy	Trang	14/12/2002	CCQ2212P	13	Thuy	5,8	Thuy	4,3	5,1	7.6	6,1	
19	2122170210	Trần Minh	Tri	20/07/2004	CCQ2217F	15	Tri	7,5	Tri	6,2	6,9	7.4	7,1	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2023-2024)

Môn học: Anh văn 2 (22400403)

- Thi Viết:

Ngày thi: 26/01/2024

Số SV có mặt: 23

Giờ thi: 9g45

Số bài thi: 23

Phòng thi: D5-30

Số tờ giấy thi: 23

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 26/01

Số SV có mặt: 23

Giờ thi: 12h30

Số bài thi:

Phòng thi: D4-21

Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi 1

[Signature]

Trần A. Tuấn

Cán bộ coi thi 2

[Signature]

Bùi Thị Ngọc

G. Viên chấm thi 1

Môn Viết

[Signature]

Đỗ TT Thùy

G. Viên chấm thi 2

Môn Viết

[Signature]

NT, Nam

G. Viên chấm thi 1

Môn Văn đáp

[Signature]

Nguyễn T. T. Hòa

G. Viên chấm thi 2

Môn Văn đáp

[Signature]

STT	Mã SV	Họ và Tên	Trọng	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Văn đáp (50%)		Viết (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
20	2122120111	Dương Đăng	Trọng	22/06/2004	CCQ2212D	16	<i>[Signature]</i>	3,2	<i>[Signature]</i>	5,2	4,3	6.0	5,0	
21	2122200013	Trần Thị Kim	Trúc	28/10/2004	CCQ2220A	13	<i>[Signature]</i>	7,2	<i>[Signature]</i>	6,3	6,8	7.9	7,2	
22	2122180055	Nguyễn Tấn	Trung	16/07/2004	CCQ2218B	16	<i>[Signature]</i>	5,1	<i>[Signature]</i>	4,1	4,6	6.2	5,2	
23	2122210071	Phạm Cẩm	Tuyên	12/01/2004	CCQ2221E	13	<i>[Signature]</i>	5,9	<i>[Signature]</i>	7,2	6,6	6.5	6,6	
24	2122100364	Mai Như	Ý	02/02/2001	CCQ2210J	24	<i>[Signature]</i>	8,0	<i>[Signature]</i>	8,5	8,3	8.8	8,5	
25	2122210125	Nguyễn Thị Kim	Yến	29/05/2004	CCQ2221F	14	<i>[Signature]</i>	6,2	<i>[Signature]</i>	4,0	5,1	6.8	5,8	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2023-2024)

178

Môn học: Anh văn 2 (22400406)

- Thi Viết:

Ngày thi: 26/01/2024

Số SV có mặt: 23

Giờ thi: 9g45

Số bài thi: 23

Phòng thi: D5-31

Số tờ giấy thi: 23

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 26/01

Số SV có mặt: 23

Giờ thi: 12h30

Số bài thi:

Phòng thi: D4-22

Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1

Môn Viết

G.Viên chấm thi 2

Môn Viết

G.Viên chấm thi 1

Môn Văn đáp

G.Viên chấm thi 2

Môn Văn đáp

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
1	2122260138	Trần Trương	An	12/06/2004	CCQ2226D							0.0	Cấm thi	
2	2122200012	Nguyễn Hoàng Trâm	Anh	12/08/2004	CCQ2220A	15		4.4		6.0	5.2	6.9	5.9	
3	2122070004	Nguyễn Thiên	Bảo	30/06/2004	CCQ2207A	16		3.6		2.2	2.9	7.3	4.7	
4	2122100321	Lê Thị Ngọc	Cúc	15/10/2004	CCQ2210B	13		4.6		5.0	4.8	7.7	6.0	
5	2122180006	Cao Ngọc	Cường	21/04/2003	CCQ2218A	14		3.5		5.5	4.5	7.3	5.6	
6	2122260142	Nguyễn Ngọc	Cường	24/02/2004	CCQ2226A								Cấm thi	
7	2122170344	Mai Thành	Đạt	21/02/2004	CCQ2211L	15		2.8		2.0	2.4	5.9	3.8	
8	2121170083	Nguyễn Thanh	Đạt	27/06/2003	CCQ2117C	13		5.4		5.8	5.6	7.3	6.3	
9	2121030002	Nguyễn Trường	Duy	24/05/2003	CCQ2103A	14		5.2		6.5	5.9	6.7	6.2	
10	2122200145	Nguyễn Thúy	Hằng	14/08/2004	CCQ2220E	15		4.9		6.8	5.9	7.4	6.5	
11	2121030006	Nguyễn Ngọc	Hiên	08/04/2003	CCQ2103A	16		9.0		5.0	7.0	7.4	7.2	
12	2121170126	Đỗ Trung	Hiếu	10/05/2003	CCQ2117D	13		6.4		6.8	6.6	7.9	7.1	
13	2121170250	Đặng Quốc	Huy	07/10/2003	CCQ2117H	14		3.6		0.0	1.8	5.5	3.3	
14	2121030023	Ngô Cẩm	Huy	25/10/2003	CCQ2103A	15		8.0		8.5	8.5	7.6	8.1	
15	2122100039	Nguyễn Thị Thu	Huyền	28/02/2004	CCQ2210B	16		4.6		7.0	5.8	7.2	6.4	
16	2122100322	Trần Nguyễn Ngọc	Huyền	14/11/2004	CCQ2210B	13		4.0		3.9	4.0	7.0	5.2	
17	2121030030	Nguyễn Tấn	Khả	01/10/2003	CCQ2103A	14		3.0		2.8	2.9	6.4	4.3	
18	2122110467	Dương Quốc	Khánh	02/09/2003	CCQ2211L	16/15		2.5		1.0	1.8	6.1	3.5	
19	2122070023	Trần Thị Như	Khuyên	16/08/2000	CCQ2207A	16		4.8		7.7	6.3	9.3	7.5	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2023-2024)

Môn học: Anh văn 2 (22400406)

- Thi Viết:

Ngày thi: 26/01/2024 Số SV có mặt: 22

Giờ thi: 9g45 Số bài thi: 23

Phòng thi: D5-31 Số tờ giấy thi: 23

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 26/01 Số SV có mặt: 23

Giờ thi: 12h30 Số bài thi:

Phòng thi: D4-22 Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1
Môn Viết

G.Viên chấm thi 2
Môn Viết

G.Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

G.Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
20	2122180012	Phạm Minh	Kiệt	01/06/2004	CCQ2218A	13		5.2		7.8	65	6.9	67	
21	2122070033	Hoàng Ngọc Khánh	Linh	21/03/2004	CCQ2207A	14		3.7		7.8	28	8.2	5.0	
22	2122180004	Nguyễn Khánh	Linh	03/07/2004	CCQ2218A	15		5.3		6.8	61	9.3	74	
23	2122110403	Nguyễn Lê Trúc	Ly	22/02/2004	CCQ2212P	16		5.9		7.5	67	7.2	69	
24	2120240108	Hồ Lê Hoàng	Nam	13/09/2002	CCQ2005D	13		5.3		7.2	63	8.2	71	
25	2122180002	Nguyễn Phương	Nam	18/06/2003	CCQ2218A	14		4.1		8.4	63	9.5	76	

Đ. 19
H. 03

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2023-2024)

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G. Viên chấm thi 1
Môn Viết

G. Viên chấm thi 2
Môn Viết

G. Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

G. Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

Môn học: Anh văn 2 (22400406)

- Thi Viết:

Ngày thi: 26/01/2024

Số SV có mặt: 21

Giờ thi: 9g45

Số bài thi: 21

Phòng thi: D6-32

Số tờ giấy thi: 21

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 26/01

Số SV có mặt: 21

Giờ thi: 12g30

Số bài thi: 21

Phòng thi: D4-22

Số tờ giấy thi: 21

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
						Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
1	2122030155	Nguyễn Phước	Nghĩa	02/11/2004	CCQ2203E	AV2-14	Nguyễn	5.1	Nguyễn	4.6	4.9	6.1	5.4
2	2121100264	Phạm Thị	Ngọc	13/05/2003	CCQ2110H	AV2-15	Phạm	3.2	Phạm	5.6	4.4	6.1	5.1
3	2122100318	Từ Thị Bích	Ngọc	10/12/2004	CCQ2210A	AV2-14	Từ	5.2	Từ	7.8	6.5	7.7	7.0
4	2122110405	Ngô Kỳ	Nguyễn	17/01/2004	CCQ2211K	AV2-16	Ngô	8.1	Ngô	7.1	7.6	9.5	8.4
5	2122170392	Võ Thành	Nhơn	15/12/2004	CCQ2217J	AV2-15	Võ	5.8	Võ	4.5	5.2	5.4	5.3
6	2122180025	Nguyễn Trung	Nhuận	08/12/2004	CCQ2218A	AV2-13	Nguyễn	4.0	Nguyễn	6.5	5.3	9.1	6.8
7	2122200033	Huỳnh Hữu	Phong	15/03/2004	CCQ2220A	AV2-16	Huỳnh	3.9	Huỳnh	5.2	4.6	7.5	5.8
8	2122180014	Trần Thanh	Phong	17/03/2004	CCQ2218A	AV2-13	Trần	4.5	Trần	7.1	5.8	7.8	6.6
9	2122200062	Trương Thị	Phượng	05/03/2004	CCQ2220B	AV2-16	Trương	3.7	Trương	4.6	4.2	6.2	5.0
10	2121170405	Phạm Văn	Sang	27/09/2003	CCQ2117L	AV2-14	Phạm	2.4	Phạm	0	0.0	4.5	1.8
11	2122070008	Phạm Thanh	Sơn	06/01/2004	CCQ2207A	AV2-15	Phạm	3.5	Phạm	5.0	4.3	6.9	5.3
12	2122180019	Võ Quang	Thắng	10/04/2004	CCQ2218A								Cấm thi
13	2122120201	Lê Nhựt	Thành	11/09/2004	CCQ2212F	AV2-16	Lê	5.0	Lê	4.8	4.9	8.0	6.1
14	2122120082	Bình Từ	Thiện	06/02/2004	CCQ2212C	AV2-13	Bình	5.6	Bình	8.0	6.8	8.6	7.5
15	2122170117	Nguyễn Hữu	Thịnh	20/01/2004	CCQ2217C							0.0	Cấm thi
16	2122170131	Trương Huy	Thịnh	14/10/2004	CCQ2217D	AV2-14	Trương	5.3	Trương	6.1	5.7	8.2	6.7
17	2122200037	Võ Thị Anh	Thư	21/08/2004	CCQ2220B								
18	2122100070	Nguyễn Thị Bích	Thuận	02/09/2004	CCQ2210B	AV2-13	Nguyễn	5.6	Nguyễn	8.7	7.2	8.6	7.8
19	2122100214	Trần Thị Thùy	Trang	28/04/2004	CCQ2220A	AV2-16	Trần	4.2	Trần	5.2	4.7	7.5	6.8

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2023-2024)

Môn học: Anh văn 2 (22400406)

- Thi Viết:

Ngày thi: 26/01/2024 Số SV có mặt: 21...

Giờ thi: 9g45 Số bài thi: 21...

Phòng thi: D6-32 Số tờ giấy thi: 21...

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 26/01 Số SV có mặt: 21...

Giờ thi: 12h30 Số bài thi: 21...

Phòng thi: D4-22 Số tờ giấy thi: 21...

Cán bộ coi thi 1

[Signature]

Cán bộ coi thi 2

[Signature]
N.H. Phúc

G. Viên chấm thi 1
Môn Viết

[Signature]
Nguyễn Thị Nguyệt Hương

G. Viên chấm thi 2
Môn Viết

[Signature]
Ths. Trần Thị Lê Hương

G. Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

[Signature]
P.S. 16

G. Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

[Signature]
Nguyễn Thị Lê

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
20	2122200191	Trịnh Hồng	Trang	13/08/2004	CCQ2220A	AV2-15	<i>[Signature]</i>	4.9	<i>[Signature]</i>	7.8	6.4	7.4	6.8	
21	2121030027	Huỳnh Hữu	Trọng	07/01/2003	CCQ2103A	AV2-15	<i>[Signature]</i>	4.1	<i>[Signature]</i>	6.0	5.1	7.9	6.2	
22	2122180010	Hà Hữu	Truyền	13/05/2002	CCQ2218A	AV2-16	<i>[Signature]</i>	3.4	<i>[Signature]</i>	4.2	3.8	6.9	5.0	
23	2122170129	Nguyễn Phan Anh	Tuấn	24/01/2004	CCQ2217D					0	0	4.1	1.6	
24	2122070024	Lê Tấn	Vũ	05/02/2003	CCQ2207A	AV2-13	<i>[Signature]</i>	5.1	<i>[Signature]</i>	2.8	4.0	6.0	4.8	
25	2122100040	Nguyễn Thị Bình	Yên	18/12/2004	CCQ2210B	AV2-14	<i>[Signature]</i>	3.6	<i>[Signature]</i>	8.2	5.9	7.6	6.6	

Đ: 22
H: 01

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2023-2024)

180

Môn học: Anh văn 2 (22400411)

- Thi Viết:

Ngày thi: 26/01/2024

Số SV có mặt: 23

Giờ thi: 9g45

Số bài thi: 23

Phòng thi: D6-33

Số tờ giấy thi: 23

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 26/01

Số SV có mặt: 23

Giờ thi: 12h30

Số bài thi: 23

Phòng thi: D4-23

Số tờ giấy thi: 23

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1
Môn Viết

G.Viên chấm thi 2
Môn Viết

G.Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

G.Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
						Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
1	2122030086	Trần Phú	An	25/02/2004	CCQ2203C	16	An	3.9	An	8.4	6.2	7.0	6.5
2	2122170379	Nguyễn Chấn	Bằng	02/08/2004	CCQ2217J	13	Bằng	5.1	Bằng	5.7	5.4	7.9	6.4
3	2121150032	Lê Văn	Cường	28/09/2003	CCQ2115A	14	Cường	2.6	Cường	5.0	3.8	7.0	5.1
4	2122050022	Mai Quang	Đại	10/06/2004	CCQ2205A	15	Đại	4.2	Đại	5.4	4.8	5.5	5.1
5	2122030078	Võ Thanh	Danh	29/10/2004	CCQ2203C	16	Danh	5.9	Danh	4.7	5.3	6.9	5.9
6	2122030191	Mai Tiến	Đạt	23/03/2004	CCQ2203F	13	Đạt	7.1	Đạt	5.9	6.5	6.5	6.5
7	2122050038	Phạm Thanh	Diễn	05/05/2004	CCQ2205B	14	Diễn	3.0	Diễn	0.0	1.5	5.0	2.9
8	2122030241	Lâm Ngọc	Duẩn	16/02/2004	CCQ2203D	15	Duẩn	6.1	Duẩn	5.5	5.8	7.6	6.5
9	2122170401	Lê Bùi Nhật	Duy	19/08/2004	CCQ2217J	16	Duy	5.2	Duy	6.3	5.8	8.6	6.9
10	2122110344	Nguyễn Quang	Hậu	05/03/2004	CCQ2211L								
11	2122120075	Lê Thị Minh	Hòa	05/02/2004	CCQ2212C	14	Hòa	5.0	Hòa	6.0	5.5	8.5	6.7
12	2122110323	Dương Nhật	Hoài	30/12/2004	CCQ2211I	15	Hoài	5.6	Hoài	2.0	3.8	8.1	5.5
13	2122050023	Trần Hữu	Hoàng	09/12/2004	CCQ2205A	16	Hoàng	5.4	Hoàng	7.3	6.4	7.4	6.8
14	2122050036	Võ Phước	Hơn	16/04/2004	CCQ2205B	13	Hơn	5.3	Hơn	1.0	3.2	7.7	5.0
15	2122270015	Nguyễn Thị Thu	Hồng	07/05/2004	CCQ2227A	14	Hồng	5.3	Hồng	7.2	6.3	7.8	6.9
16	2122030243	Nguyễn	Hưng	23/03/2004	CCQ2203D	15	Hưng	3.1	Hưng	5.3	4.2	6.9	5.3
17	2122110331	Nguyễn Gia	Huy	26/05/2004	CCQ2211I	16	Huy	5.5	Huy	5.7	5.7	6.7	6.1
18	2122110354	Nguyễn Quốc	Khang	25/06/2004	CCQ2211I	13	Khang	5.1	Khang	6.8	6.0	6.8	6.3
19	2121110180	Võ Vũ Quốc	Khánh	02/09/2003	CCQ2111F								

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2023-2024)

Cán bộ coi thi 1

[Signature]

Cán bộ coi thi 2

[Signature]

G.Viên chấm thi 1
Môn Viết

[Signature]

G.Viên chấm thi 2
Môn Viết

[Signature]

G.Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

[Signature]

G.Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

[Signature]

Môn học: Anh văn 2 (22400411)

- Thi Viết:

Ngày thi: 26/01/2024

Số SV có mặt: 23

Giờ thi: 9g45

Số bài thi: 23

Phòng thi: D6-33

Số tờ giấy thi: 23

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 26/01

Số SV có mặt: 23

Giờ thi: 12h30

Số bài thi: 23

Phòng thi: D4-23

Số tờ giấy thi: 23

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
20	2120030116	Nguyễn Văn Đăng	Khoa	19/08/2000	CCQ2003D	15	<i>[Signature]</i>	5,3	<i>[Signature]</i>	5,4	5,4	8,3	6,6	
21	2121170034	Nguyễn Duy	Kiên	20/09/2003	CCQ2117A	16	<i>[Signature]</i>	4,9	<i>[Signature]</i>	4,7	4,8	7,5	5,9	
22	2122270035	Đào Thị	Lê	19/04/2004	CCQ2227B	13	<i>[Signature]</i>	6,0	<i>[Signature]</i>	5,0	5,5	7,1	6,1	
23	2122120163	Lê Thị Mỹ	Lê	07/12/2003	CCQ2212E	14	<i>[Signature]</i>	3,2	<i>[Signature]</i>	8,2	5,7	8,0	6,6	
24	2121170022	Lưu Ngọc	Minh	26/12/2003	CCQ2117A	15	<i>[Signature]</i>	5,4	<i>[Signature]</i>	6,4	5,9	7,9	6,7	
25	2122260080	Nông Thị Ánh	Ngọc	01/02/2004	CCQ2226C	16	<i>[Signature]</i>	5,9	<i>[Signature]</i>	6,2	6,1	8,1	6,9	

Đ: 21
A: 03

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2023-2024)

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1
Môn Viết

G.Viên chấm thi 2
Môn Viết

G.Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

G.Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

Môn học: Anh văn 2 (22400411)

- Thi Viết:

Ngày thi: 26/01/2024

Giờ thi: 9g45

Phòng thi: D6-35

Số SV có mặt: 24

Số bài thi: 24

Số tờ giấy thi: 24

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 26/01

Giờ thi: 12h30

Phòng thi: D5-28

Số SV có mặt: 24

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

Nguyễn
Khân
Vũ

H. Tuyền

Phan T. Thu

Phan T. Thu

Phan Văn Mỹ

Phan Văn Mỹ

181

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
1	2122170378	Lê Anh	Nhân	21/06/2004	CCQ2217J	13	shu	6.3	shu	4.5	5.4	7.7	6.3	
2	2122050020	Nguyễn Lê Hiếu	Nhân	17/11/2004	CCQ2205A	14	chhu	4.3	chhu	7.3	5.8	8.0	6.7	
3	2122030124	Nguyễn Đình	Nhất	19/01/2004	CCQ2203D	15	shu	7.0	shu	5.6	6.3	8.0	7.0	
4	2122110329	Điền	Nhút	01/01/2003	CCQ2211I	14	nhu	3.4	nhu	0.0	1.7	5.3	3.1	
5	2122050069	Huỳnh Ngọc	Phúc	10/12/2003	CCQ2205B	13	phuc	4.2	phuc	2.0	3.2	7.7	5.0	
6	2122270004	Đàm Thị Trúc	Phương	16/10/2004	CCQ2227A	16	phuc	4.4	phuc	3.6	4.0	7.8	5.5	
7	2122050057	Lê Quang	Phương	03/08/2004	CCQ2205B	15	phuc	3.5	phuc	6.3	4.9	8.6	6.4	
8	2121170362	Phan Minh	Quân	02/06/2003	CCQ2117K	16	phuc	5.4	phuc	7.4	6.4	6.2	6.3	
9	2122030095	Bá Thiên Minh	Quang	08/11/2004	CCQ2203C	13	phuc	5.0	phuc	5.3	5.2	7.5	6.1	
10	2122050056	Lê Thanh	Quang	24/11/2004	CCQ2205B	14	Quac	4.0	Quac	7.8	5.9	7.0	6.3	
11	2122270036	Võ Thị Kim	Quý	17/12/2004	CCQ2227B	15	Quac	4.6	Quac	3.6	4.1	8.4	5.8	
12	2122100133	Phạm Võ Trúc	Quỳnh	05/12/2004	CCQ2227E	16	Quac	8.5	Quac	8.3	8.4	9.5	8.8	
13	2122030129	Nguyễn Văn	Sáng	31/12/2004	CCQ2203D	15	Quac	3.9	Quac	0.0	2.0	7.0	4.0	
14	2122110335	Võ Thị Diệu	Thảo	25/05/2004	CCQ2211I	14	Thao	4.5	Thao	8.4	6.5	8.5	7.3	
15	2122110325	Nguyễn Bá	Thịnh	17/09/2001	CCQ2211I	15	Thinh	1.7	Thinh	2.5	2.1	6.1	3.7	
16	2122270043	Võ Mỹ	Thuận	17/10/2004	CCQ2227B	16	Thinh	6.2	Thinh	3.8	5.0	7.0	5.8	
17	2122210107	Phan Thị Quỳnh	Trang	29/10/2004	CCQ2221F	13	Trang	4.9	Trang	8.1	6.5	7.3	6.8	
18	2122210185	Trần Thị Huyền	Trang	24/09/2003	CCQ2221F	14	Trang	4.9	Trang	8.0	6.9	8.3	7.5	
19	2122210141	Nguyễn Thị Ngọc	Trinh	17/08/2004	CCQ2221F	15	Trang	6.0	Trang	6.7	6.4	8.3	7.2	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2023-2024)

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G. Viên chấm thi 1
Môn Viết

G. Viên chấm thi 2
Môn Viết

G. Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

G. Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

Môn học: Anh văn 2 (22400411)

- Thi Viết:

Ngày thi: 26/01/2024

Số SV có mặt: 24

Giờ thi: 9g45

Số bài thi: 24

Phòng thi: D6-35

Số tờ giấy thi: 24

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 26/01

Số SV có mặt: 24

Giờ thi: 12h30

Số bài thi:

Phòng thi: D5-29

Số tờ giấy thi:

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
20	2122050025	Đặng Minh	Trúc	07/01/2004	CCQ2205A	16		3,6		6,3	5,0	8,2	6,3	
21	2122170374	Phạm Anh	Tuấn	05/07/2004	CCQ2217J	13		4,5		4,2	4,4	7,8	5,8	
22	2121170030	Đỗ Nguyên	Tùng	14/02/2002	CCQ2117A	13		5,3		4,4	4,9	6,0	5,3	
23	2122110476	Vũ Văn	Tùng	22/08/2004	CCQ2211L	14		5,8		8,1	7,0	9,2	7,9	
24	2121110223	Nguyễn Thành	Văn	26/07/2003	CCQ2111G									
25	2122170061	Nguyễn Tường	Vĩ	20/08/2004	CCQ2227E	16		5,0		5,0	5,0	7,0	5,8	

Đ: 18
H: 04

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ I (2023-2024)

Môn học: Anh văn 2 (22400418)

- Thi Viết:

Ngày thi: 26/01/2024

Số SV có mặt: 21

Giờ thi: 9g45

Số bài thi: 21

Phòng thi: D6-36

Số tờ giấy thi: 21

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 26/01

Số SV có mặt: 22

Giờ thi: 12h30

Số bài thi: 22

Phòng thi: D4-25

Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1
Môn Viết

G.Viên chấm thi 2
Môn Viết

G.Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

G.Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

T. Thuận

182

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
1	2122210161	Hoàng Duy	Anh	18/06/2004	CCQ2221A	14	Anh	6,3	Anh	8,2	7,3	7,8	7,5	
2	2122270159	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	26/08/2003	CCQ2227E	15	Ánh	7,0	Ánh	7,6	7,3	7,0	7,2	
3	2122210162	Trần Quốc	Bảo	10/06/2004	CCQ2221B	16	Bảo	6,3	Bảo	5,2	5,8	6,3	6,0	
4	2122120046	Lê Thị Hồng	Cúc	13/12/2004	CCQ2212B	13	Hồng	5,9	Hồng	6,3	6,1	8,2	6,9	
5	2122210075	Phạm Ngọc	Diệp	18/09/2004	CCQ2221B	14	Diệp	5,8	Diệp	7,9	6,9	8,4	7,5	
6	2122210038	Hồ Thị Bích	Dung	17/03/2004	CCQ2221A	13	Dung	4,6	Dung	2,8	3,7	5,3	4,3	
7	2122210062	Đinh Thị Thùy	Dương	17/07/2004	CCQ2221B	16	Dương	4,4	Dương	6,3	5,4	6,8	6,0	
8	2122210028	Phạm Quốc	Dương	25/10/2002	CCQ2221A	44	Quốc	...	Quốc	8,6	00	8,9	3,6	
9	2122210054	Đỗ Nguyễn Tuấn	Duy	29/09/2004	CCQ2221B	14	Tuấn	5,2	Tuấn	7,5	6,4	7,8	7,0	
10	2121110153	Ngô Ti	Gô	21/08/2003	CCQ2111E	13	Ti	9,8	Ti	8,5	9,2	8,5	8,9	
11	2121170546	Nguyễn Đức	Hoàng	10/11/2002	CCQ2117P	16	Đức	5,2	Đức	5,4	5,3	7,6	6,2	
12	2122210007	Tạ Thị Thu	Hồng	25/04/2003	CCQ2221A									
13	2121210102	Lương Trần Tiến	Huy	06/11/2002	CCQ2121C							0.0		
14	2120120289	Giang Trung	Kiến	29/09/2001	CCQ2012I	15	Trung	7,2	Trung	6,3	6,8	7,2	7,0	
15	2122210060	Nguyễn Văn	Lập	01/10/2003	CCQ2221B	16	Văn	4,1	Văn	3,8	4,0	6,0	4,8	
16	2122210004	Phan Văn	Lịch	27/06/2004	CCQ2221A	15	Văn	6,0	Văn	7,3	6,7	7,6	7,1	
17	2122210036	Hồ Yến	Linh	11/09/2004	CCQ2221A	14	Yến	5,6	Yến	7,3	6,5	8,4	7,3	
18	2122210167	Nguyễn Thị Thuý	Linh	19/10/2004	CCQ2221A	13	Thuý	4,7	Thuý	5,0	4,9	5,4	5,0	
19	2122210009	Trương Thùy	Linh	17/02/2004	CCQ2221A	16	Thùy	3,4	Thùy	5,0	4,2	5,0	4,5	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2023-2024)

Môn học: Anh văn 2 (22400418)

- Thi Viết:

Ngày thi: 26/01/2024

Giờ thi: 9g45

Phòng thi: D6-36

Số SV có mặt: 21

Số bài thi: 21

Số tờ giấy thi: 21

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 26/01

Giờ thi: 12h30

Phòng thi: D4-25

Số SV có mặt: 22

Số bài thi: 22

Số tờ giấy thi: 22

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G. Viên chấm thi 1
Môn Viết

G. Viên chấm thi 2
Môn Viết

G. Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

G. Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
20	2122170042	Dương Văn	Lợi	17/01/2004	CCQ2217B	15	Lợi	5,5	Lợi	8,4	7,0	7,2	7,1	
21	2122210005	Nguyễn Phi	Long	11/01/2004	CCQ2221A	14	Long	3,9	Long	7,0	5,5	7,0	6,1	
22	2122170191	Tạ Hoàng	Long	12/03/2004	CCQ2217E	15	Long	4,6	Long	5,8	5,2	6,1	5,6	
23	2121110179	Bá Quang	Luân	05/02/2003	CCQ2111F	16	Bá Quang	5,0	Bá Quang	7,6	6,3	7,3	6,7	
24	2120200044	Lê Đức	Ly	25/09/2002	CCQ2020B									
25	2122210026	Nguyễn Thân Kiều	My	16/01/2004	CCQ2221A	14	My	6,4	My	6,6	6,5	7,3	6,8	

Đ: 23
4. 00

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2023-2024)

Môn học: Anh văn 2 (22400418)

- Thi Viết:

Ngày thi: 26/01/2024

Giờ thi: 9g45

Phòng thi: D7-38

Số SV có mặt: 23

Số bài thi: 23

Số tờ giấy thi: 23

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 26/01

Giờ thi: 12h30

Phòng thi: D5-26

Số SV có mặt: 23

Số bài thi: 23

Số tờ giấy thi: 23

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1

Môn Viết

G.Viên chấm thi 2

Môn Viết

G.Viên chấm thi 1

Môn Văn đáp

G.Viên chấm thi 2

Môn Văn đáp

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
						Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
1	2122210061	Lê Thị Phương	Nam	23/01/2004	CCQ2221B	15	Nam	7,0	Nam	8,0	7,5	8.5	7,9
2	2121210097	Trần Văn	Nam	21/07/2003	CCQ2121C	16	Trần Văn	7,0	Trần Văn	8,3	7,8	7,2	7,6
3	2122100336	Lê Thị Bích	Ngà	05/12/2004	CCQ2210G								
4	2122210058	Nguyễn Thị Kim	Nguyên	17/10/2004	CCQ2221B	14	Kim	6,0	Kim	6,9	6,5	8.3	7,2
5	2122210175	Đỗ Thị Bích	Nguyệt	26/04/2004	CCQ2221B	15	Bích	5,5	Bích	5,2	5,4	7.8	6,4
6	2122120323	Nguyễn Thành	Nhân	06/12/2003	CCQ2212J	16	Thành	5,5	Thành	7,0	6,3	7.6	6,8
7	2122070041	Hoàng Quốc	Nhật	11/09/2003	CCQ2207B	13	Quốc	6,6	Quốc	8,0	7,3	7.9	7,5
8	2122210013	Lê Thị Huỳnh	Nhung	24/03/2004	CCQ2221A	14	Huỳnh	5,3	Huỳnh	8,1	6,7	7.3	6,9
9	2122100231	Nguyễn Thị Kiều	Oanh	22/05/2004	CCQ2210G	15	Oanh	5,3	Oanh	4,7	5,0	7.9	6,2
10	2122210048	Lê Ánh	Phúc	18/08/2004	CCQ2221B	16	Ánh	5,8	Ánh	5,8	5,8	6.0	5,9
11	2122070040	Lê Hoàng	Quân	09/06/2004	CCQ2207B	13	Hoàng	4,9	Hoàng	8,2	6,6	8.2	7,2
12	2122210052	Lê Thanh	Quân	12/05/2004	CCQ2221B	14	Thanh	5,0	Thanh	7,9	6,5	9.0	7,5
13	2122210076	Mai Như	Quỳnh	27/02/2004	CCQ2221B	15	Như	6,1	Như	6,9	6,5	8.1	7,1
14	2122260086	Huỳnh Ngọc Bích	Thảo	15/02/2004	CCQ2226C	16	Thảo	6,2	Thảo	5,5	5,9	7.8	6,7
15	2122210059	Bùi Thanh Bích	Thiện	28/03/2004	CCQ2221B	13	Bích	5,2	Bích	6,3	5,8	7.8	6,6
16	2122100215	Ngô Thị Lệ	Thơ	07/07/2002	CCQ2210G	14	Lệ	5,4	Lệ	5,2	5,3	6.7	5,9
17	2122200044	Hồ Thị Phước	Thọ	22/09/2004	CCQ2220B	15	Phước	5,1	Phước	6,4	5,8	5.0	7,4
18	2122210067	Trần Thị Nghi	Thường	20/11/2004	CCQ2221B	16	Nghi	5,4	Nghi	5,0	5,1	7.0	6,1
19	2122210023	Ngô Thị Kiều	Tiên	05/09/2004	CCQ2221A								

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2023-2024)

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1
Môn Viết

G.Viên chấm thi 2
Môn Viết

G.Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

G.Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

Môn học: Anh văn 2 (22400418)

- Thi Viết:

Ngày thi: 26/01/2024

Số SV có mặt: 23

Giờ thi: 9g45

Số bài thi: 23

Phòng thi: D7-38

Số tờ giấy thi: 23

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 26/01

Số SV có mặt: 83

Giờ thi: 12h30

Số bài thi: 83

Phòng thi: D5-26

Số tờ giấy thi: 83

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
20	2122130084	Nguyễn Thị Thanh	Trúc	07/03/2004	CCQ2213C	14	Trúc	5,9	Trúc	7,0	6,5	8,7	7,4	
21	2122060011	Nguyễn Thanh	Tuấn	02/08/2004	CCQ2206A	15	tuấn	5,0	Tuấn	6,4	5,7	6,7	6,1	
22	2122100275	Nguyễn Thị	Vân	28/05/2004	CCQ2210H	16	Thị	9,3	Thị	5,0	7,2	7,4	7,3	
23	2121170669	Phạm Cao	Văn	07/08/2003	CCQ2117K	13	Văn	9,7	Văn	8,6	9,2	9,2	9,2	
24	2122120125	Trần Hoàng Như	Ý	27/09/2004	CCQ2212D	12	nhu	5,8	nhu	4,8	5,3	7,9	6,3	
25	2122100238	Nguyễn Thị Ngọc	Yến	09/06/2003	CCQ2210G	15	Yến	6,0	Yến	6,2	6,1	6,7	6,3	